TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập -Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2019/DS-PT
Ngày 21 - 10 - 2019
V/V "Tranh chấp Hợp đồng bảo hiểm".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Bá Lưu
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thái Sơn và bà Từ Thị Hải Dương
Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Hương Giang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Tuyết Nhung - Kiểm sát viên Trung cấp.

Trong ngày 21 tháng 10 năm 2019, tại phòng xét xử án dân sự trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 24/2019/TLPT-DSTC ngày 27 tháng 8 năm 2019, về việc: "Tranh chấp Hợp đồng bảo hiểm", do bản án số: 16/2019/DS –ST ngày 28/6/2019 của Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình có kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1635 /2019/QĐ-PT ngày 01/10/2019, giữa:

- *Nguyên đơn:* VP - T
Địa chỉ: Số S, đường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình;
Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn T - CVP; Đại diện theo uỷ quyền: Ông Hà S1 - Trưởng phòng QT và bà Hoàng Thị H – Trưởng phòng (Theo Giấy uỷ quyền số 02-GUQ/VP... ngày 18/6/2019 của VP). Có mặt.
- *Bị đơn:* Tổng công ty P

Địa chỉ: 21- 22 M, số 229 T1, quận Đ, thành phố Hà Nội; Đại diện theo pháp luật: Ông Đào H1 - TGĐ; Đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Quang T2 - Giám đốc P - QB - Địa chỉ chi nhánh: Số 157, LK, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình (Theo Giấy uỷ quyền số 206/GUQ-TGĐ ngày 04/4/2019). Có mặt.

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn VP T cũng như tại bản tự khai và trình bày của người đại diện theo uỷ quyền tại phiên toà, có nội dung như sau:

VP - T và Tổng công ty P (thông qua người đại diện là Giám đốc Công ty P - QB) ký Hợp đồng bảo hiểm số: 14/QBI/HHA/3200/008 ngày 10/4/2014, về việc bảo hiểm mọi rủi ro xây dựng, lắp đặt thi công công trình Trụ sở cơ quan T, với tổng phí bảo hiểm là 557.000.000 đồng. Sau khi ký kết hợp đồng, VP - T đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đã ký kết trong hợp đồng, chuyển trả đủ phí bảo hiểm cho

Công ty P - QB. Trong quá trình thi công công trình, vào ngày 15/9/2017, cơn bão số 10 đổ bộ vào đất liền trong đó có địa bàn tỉnh Quảng Bình, do ảnh hưởng của bão nên đã gây thiệt hại các hạng mục công trình Trụ sở cơ quan T. Theo Chứng thư giám định ngày 10/9/2018 của Công ty giám định R thì các hạng mục thiệt hại bao gồm: Phần xây dựng: 1.033.412.944 đồng; Chi phí dọn dẹp hiện trường; 65.875.455 đồng; Phần cây xanh: 10.228.871 đồng; Tổng thiệt hại: 1.109.517.269 đồng.

VP - T đã nhiều lần yêu cầu Công ty P thực hiện việc chi trả bảo hiểm theo Hợp đồng đã ký kết, tuy nhiên ngày 02/12/2018, VP - T nhận được công văn số: 194/2018/CV/PJICO ngày 30/11/2018 của Công ty P - QB, cho rằng thời điểm tổn thất các hạng mục nằm ngoài thời hạn bảo hiểm, hiệu lực của bảo hiểm đương nhiên chấm dứt đối với từng gói thầu xây lắp hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng hoặc hết thời gian bảo hành, nên từ chối chi trả bảo hiểm. VP - T cho rằng lý do nêu trên Công ty P đưa ra không đúng với nội dung hợp đồng bảo hiểm đã ký kết, cụ thể: Tại khoản 8.1 Điều 8 của Hợp đồng bảo hiểm số 14/QBI/HHA/3200/008 ngày 10/4/2014 quy định: "..Thời hạn bảo hiểm: Từ thời điểm bắt đầu thi công đến lúc công trình bàn giao đưa vào sử dụng và thời gian 18 tháng bảo hành công trình...". Ngày 12/4/2014 là ngày khởi công trình và dự kiến thời gian hoàn thành công trình hết giai đoạn hai là ngày 31/7/2017. Tuy nhiên, trên thực tế công trình thi công không đúng tiến độ đề ra như dự kiến, nên ngày 28/7/2017 VP - T có văn bản số 780-CV/VPTU gửi Công ty P - QB về việc thông báo gia hạn thời gian bảo hiểm công trình Trụ sở cơ quan T. Trong thời gian này bão số 10 đã gây ra các thiệt hại nêu trên và nằm trong thời hạn bảo hiểm công trình sau khi đã được thông báo gia hạn thời hạn bảo hiểm. Việc Công ty P - QB từ chối bảo hiểm là không đúng với nội dung thoả thuận trong hợp đồng bảo hiểm đã ký kết giữa hai bên. Vì vậy, căn cứ Hợp đồng bảo hiểm số: 14/QBI/HHA/3200/008 ngày 10/4/2014; các Điều 34, 70, 71, 186, 189 Luật Tố tụng Dân sự 2015; Điều 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 28, 30 Luật Kinh doanh Bảo hiểm 2010, V khởi kiện, đề nghị Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình giải quyết: Buộc Tổng công ty P chi trả số tiền bảo hiểm 1.109.517.269 đồng, là tiền trách nhiệm bảo hiểm cho các hạng mục thiệt hại do bão số 10 năm 2017 gây ra cho công trình Trụ sở cơ quan T, theo Hợp đồng bảo hiểm công trình xây dựng số: 14/QBI/HHA/3200/008 ngày 10/4/2014 đã ký kết giữa hai bên và số tiền lãi phát sinh theo lãi suất cơ bản của ngân hàng 0,8%/tháng trên số tiền 1.109.517.269đ, kể từ ngày 15/9/2017, là ngày phát sinh nghĩa vụ bảo hiểm (sự kiện bảo hiểm xảy ra) cho đến khi trả hết số tiền gốc phải trả nêu trên, tạm tính đến ngày khởi kiện vụ án là 133.142.072 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là 1.242.659.341 đồng.

Tại phiên toà sơ thẩm, đại điện nguyên đơn VP - T, thay đổi nội dung khởi kiện: Theo chứng thư giám định ngày 10/9/2018 thể hiện tại "Báo cáo cuối cùng" của Công ty Giám định R thì thiệt hại toàn bộ là 1.109.517.269 đồng, trong đó trừ đi giá trị thu hồi số tiền 17.000.000 đồng và 50.000.000 đồng mức miễn thường, nên giá trị thiệt hại còn lại là 1.042.517.269 đồng. Do khi khởi kiện, có sự nhầm lẫn về tính toán số liệu nên đơn khởi kiện có yêu cầu thêm số tiền 67.000.000 đồng là giá trị thu hồi và mức miễn thường, nên thành số tiền yêu cầu

bảo hiểm là 1.109.517.269 đồng là không đúng với kết luận của chứng thư giám định và nay xét thấy không cần thiết tính lãi đối với số tiền bảo hiểm. Vì vậy, đại diện nguyên đơn xin thay đổi nội dung khởi kiện, yêu cầu khởi kiện còn lại của nguyên đơn tại phiên toà chỉ buộc bị đơn trả số tiền bảo hiểm 1.042.517.269 đồng như số liệu thiệt hại của chứng thư giám định; không yêu cầu tính lãi chậm trả đối với số tiền bảo hiểm phải trả.

Phía bị đơn Tổng công ty P tại văn bản nêu ý kiến ngày 17 tháng 4 năm 2019 và ý kiến trình bày tại phiên toà của người đại diện là ông Nguyễn Quang T2 - Giám đốc Công ty P- QB, có nội dung như sau:

Căn cứ các điều kiện, điều khoản tại: Hợp đồng bảo hiểm số: 14/QBI/HHA/3200/008 ngày 10/4/2014 và các Phụ lục hợp đồng số: 01-14/QBI/HHA/3200/008 ngày 18/6/2014; số: 02-14/QBI/HHA/3200/008 ngày 03/01/2017 và Báo cáo cuối cùng số L0917C281 đề ngày 10/9/2018 của Công Giám định R, thì tổn thất vật chất của Trụ sở cơ quan T xảy ra ngày 15/9/2017 đã được Công ty giám định R thực hiện giám định và ra chứng thư giám định thì thiệt hại toàn bộ là 1.109.517.269 đồng, nhưng được trừ giá trị thu hồi và mức miễn thường 67.000.000 đồng, nên giá trị thiệt hại còn lại là 1.042.517.269 đồng.

Về yêu cầu bồi thường bảo hiểm và đơn khởi kiện của VP - T, trước đây Công ty P - QB cũng có văn bản trả lời cho VP - T. Tuy nhiên, với tinh thần cầu thị và phối hợp, phía Công ty P nêu rõ quan điểm của mình là thực hiện theo phán quyết của Tòa án dựa trên tinh thần giúp đỡ lẫn nhau, hỗ trợ tổn thất cho VP - T.

Tại bản án số 16/2019/DS –ST ngày 28/6/2019 của Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 74, 84, 85, 87, 116, 117, 118, 119, 121, 134, 135, 137, 138, 140, 141, 385, 398, 400, 401, 404, 405, 422 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 12, 13, 14, 15, 17, 18, 21, 23, 25, 28, 29, 30, 40, 41, 47, 48 Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000, được sửa đổi, bổ sung năm 2010; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn V đối với bị đơn Tổng công ty P.

Buộc bị đơn Tổng công ty P phải trả cho nguyên đơn VP - T số tiền bảo hiểm 1.042.517.269 đồng, theo nội dung Hợp đồng bảo hiểm số: 14/QBI/HHA/3200/008 ngày 10/4/2014. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn không tính lãi chậm trả cho đến khi thi hành xong đối với với số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn.

2. Đình chỉ xét xử đối với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn VP - T đối với bị đơn Tổng công ty P, về việc buộc bị đơn trả số tiền số tiền bảo hiểm 67.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh 133.142.072 đồng được nêu tại đơn

khởi kiện ban đầu, do nguyên đơn đã rút một phần yêu cầu khởi kiện này tại phiên toà.

Ngoài ra bản án còn tuyên buộc bị đơn phải chịu án phí, trả lại tạm ứng án phí cho nguyên đơn; tuyên việc thi hành án theo Luật thi hành án và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 12/7/2019, bị đơn Tổng công ty P có đơn kháng cáo với nội dung: Kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 16/2019/DS-ST ngày 28/6/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, với lý do: Phán quyết của Toà án cấp sơ thẩm không phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án, có sai lầm trong việc áp dụng các quy định của pháp luật, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của P.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà cũng như các đương sự đều thực hiện đúng các quy định của BLTTDS. Đối với nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS 2015: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Tổng công ty P, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Tại phiên toà phúc thẩm bị đơn Tổng công ty P không rút kháng cáo; các bên đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn Tổng công ty P làm trong thời hạn luật định, đảm bảo về nội dung, hình thức theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên chấp nhận để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của Tổng công ty P với nội dung không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm, thấy rằng:

[2.1] Ngày 10/4/2014, bên mua bảo hiểm (bên A): VP - T với bên Bảo hiểm (bên B): Tổng công ty P – QB đã ký kết Hợp đồng bảo hiểm số: 14/QBI/HHA/3200/008, về việc bảo hiểm mọi rủi ro xây dựng, lắp đặt thi công công trình Trụ sở cơ quan T, với tổng phí bảo hiểm là 557.000.000 đồng và các phụ lục hợp đồng số: 01-14/QBI/HHA/32000/008 ngày 18/6/2014; số 02-14/QBI/HHA/32000/008 ngày 03/01/2017, về việc điều chỉnh hợp đồng bảo hiểm mọi rủi ro xây dựng lắp đặt thi công công trình Trụ sở cơ quan Tỉnh uỷ. Ngày 12/4/2014 là ngày khởi công trình và dự kiến thời gian hoàn thành công trình hết giai đoạn hai là ngày 31/7/2017. Quá trình thực hiện hợp đồng, do ảnh hưởng thời tiết tại Quảng Bình không thuận lợi nên công trình phải kéo dài hơn dự kiến. Ngày 15/9/2017, cơn bão số 10 đổ bộ vào các tỉnh miền Trung trong đó có tỉnh Quảng Bình, ảnh hưởng của bão đã gây thiệt hại các hạng mục công trình Trụ sở cơ quan T với số tiền thiệt hại theo chứng thư giám định ngày 10/9/2018 của Công ty Giám định R thì các hạng mục thiệt hại bao gồm: Phần xây dựng: 1.033.412.944 đồng; Chi phí dọn dẹp hiện trường; 65.875.455 đồng; Phần cây xanh: 10.228.871 đồng;

Tổng thiệt hại: 1.109.517.269 đồng. Tuy nhiên, trừ đi giá trị thu hồi (Các tài sản bị hư hỏng từ công trình được hóa giá bán phế liệu) và khoản miễn trừ thường: 67.000.000 đồng, do đó nguyên đơn chỉ yêu cầu bồi thường giá trị thiệt hại còn lại là 1.042.517.269 đồng. Nguyên đơn VP - T cho rằng đây được coi là sự kiện bảo hiểm xảy ra và đã gây thiệt hại cho đối tượng được bảo hiểm là công trình trụ sở cơ quan T theo như Hợp đồng bảo hiểm hai bên đã ký kết và thời hạn của Hợp đồng đang có hiệu lực. Do đó, yêu cầu Toà án buộc bị đơn Tổng công ty P phải bồi thường được cấp sơ thẩm chấp nhận.

[2.2] Do không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm nên bị đơn Tổng công ty P kháng cáo với các lý do: Phán quyết của Toà án cấp sơ thẩm không phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án, có sai lầm trong việc áp dụng các quy định của pháp luật, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của P.

[2.3] Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo quy định tại tại khoản 8.1 Điều 8 Hợp đồng bảo hiểm số 14/QBI/HHA/3200/008 mà hai bên đã thoả thuận ký kết về thời hạn hợp đồng thì: "*...Thời hạn bảo hiểm: Từ thời điểm bắt đầu thi công đến lúc công trình bàn giao đưa vào sử dụng và thời gian 18 tháng bảo hành công trình. Nếu vì lý do khách quan mà công trình thi công không đúng tiến độ thì bên A phải thông báo cho bên B bằng văn bản để hai bên tiến hành đàm phán gia hạn hiệu lực bảo hiểm...*". Bên cạnh đó, tại điểm b Điều 1 Phụ lục Hợp đồng số: 02-14/QB/HHA/32000/008 ngày 03/01/2017 điều chỉnh Điều 2 của Phụ lục Hợp đồng số: 01- 14/QB/HHA/32000/008: "*...Thời gian thực hiện điều chỉnh như sau: Thời hạn bảo hiểm: Từ ngày khởi công công trình (12/04/2014 đến thời điểm toàn bộ công trình bàn giao đưa vào sử dụng (dự kiến 31/7/2017) và thời gian 18 tháng bảo hành công trình theo SĐBS 004...*". Như vậy, về thời hạn thực hiện Hợp đồng Bảo hiểm là kể từ ngày công trình trụ sở T khởi công 12/4/12014 cho đến ngày công trình bàn giao đưa vào sử dụng và thời gian 18 tháng bảo hành công trình theo SĐBS 004. Do đó, nếu công trình bàn giao đưa vào sử dụng như dự kiến 31/7/2017 thì thời gian bảo hiểm công trình vẫn được tiếp tục thực hiện cho đến hết 18 tháng tiếp theo. Theo thỏa thuận tại điểm 10.3 Điều 10 của Hợp đồng bảo hiểm quy định về điều kiện đặc biệt liên quan tới lịch trình tiến độ xây dựng/xây lắp: "...Chênh lệch so với lịch trình tiến độ thi công: 60 ngày". Ngày 31/7/2017 là ngày dự kiến công trình hoàn thành đưa vào sử dụng, ngày 15/9/2017 sự kiện bảo hiểm xảy ra (45 ngày) nằm trong thời hạn chênh lệch về lịch trình tiến độ xây dựng/xây lắp mà không cần phải có sự chấp thuận bằng văn bản của P.

Việc P cho rằng ngày nếu 31/7/2017 công trình chưa hoàn thành thì VP - T phải thông báo bằng văn bản cho P - QB biết để tiến hành đàm phán gia hạn thời hạn bảo hiểm. Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như trình bày của đại diện phía nguyên đơn thì do công trình không đúng tiến độ như dự kiến nên ngày 28/7/2017, VP - T có văn bản số 780-CV/VPTU gửi Công ty P - QB để thông báo gia hạn thời gian bảo hiểm và văn bản này đã được gửi theo đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm, ngày 20/9/2019 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình có văn bản số: 1978/YC-VKS-DS về việc: "Yêu cầu xác minh, thu thập chứng cứ". Ngày 04/10/2019, VP - T có văn bản số 1706 –

CV/VP... về việc củng cố chứng cứ của vụ án gửi cho TAND tỉnh Quảng Bình với nội dung VP - T đã gửi Công văn số 780-CV/VP... ngày 28/7/2017 của VP - T cho P - QB bằng cách giao trực tiếp cho P - QB, kèm theo là bản sao số Công văn đi của Công văn số 780-CV/VP... Theo biên bản xác minh ngày 11/9/2019 của Tòa nhân dân tỉnh Quảng Bình tiến hành, phía Công ty P – QB cho rằng việc giao nhận công văn giữa hai bên không trùng khớp có thể do thất lạc và đây cũng là lý do khách quan. Việc tổn thất xảy ra lớn ngoài mong muốn của hai bên nên đề nghị Tòa án xem xét để bồi thường cho khách hàng.

Như vậy, quá trình thực hiện hợp đồng VP - T đã thực hiện đúng quy định như hai bên đã cam kết. Cơn bão số 10 đổ bộ vào các tỉnh miền Trung trong đó có tỉnh Quảng Bình đã làm hư hại đến trụ sở Công trình trụ sở T vào ngày 15/9/2017 vẫn đang nằm trong thời gian thực hiện Hợp đồng bảo hiểm. Vì vậy, các lý do kháng cáo của bị đơn Tổng công ty P đưa ra là không có căn cứ chấp nhận nên giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm là phù hợp.

[3]. Các quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4]. Về án phí: Kháng cáo của Tổng công ty P không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000đ để sung công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, xử: Không chấp nhận kháng cáo của Tổng công ty P, giữ nguyên bản án sơ thẩm, xử:

1. Căn cứ vào các Điều 74, 84, 85, 87, 116, 117, 118, 119, 121, 134, 135, 137, 138, 140, 141, 385, 398, 400, 401, 404, 405, 422 BLDS năm 2015; Điều 244 BLTTDS năm 2015; Các Điều 12, 13, 14, 15, 17, 18, 21, 23, 25, 28, 29, 30, 40, 41, 47, 48 Luật Kinh doanh Bảo hiểm năm 2000, được sửa đổi, bổ sung năm 2010; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn VP - T: Buộc bị đơn Tổng công ty P phải trả cho nguyên đơn VP - T số tiền bảo hiểm 1.042.517.269 đồng, theo nội dung Hợp đồng bảo hiểm số: 14/QBI/HHA/3200/008 ngày 10/4/2014.

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn không tính lãi chậm trả cho đến khi thi hành xong đối với với số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Các quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí: Kháng cáo của Tổng công ty P không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ để sung công quỹ Nhà nước. Được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2017/0005458 ngày 25/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Các đương sự;
- TAND tp Đồng Hới;
- Chi cục THA tp Đồng Hới;
- Lưu: HS vụ án, án văn.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Võ Bá Lưu